

BẢNG GIÁ DỊCH VỤ SẢN XUẤT

Áp dụng từ ngày 01/ 01/ 2025

Đơn vị tính: VNĐ

A. ÁP DỤNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP

STT	DỊCH VỤ SẢN XUẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
I	Dịch vụ Sản xuất			
1	Thu âm (bao gồm phòng thu):			
	Nội địa	01 phút	350.000	
	Nước ngoài, liên doanh	01 phút	500.000	
2	Thuê MC			
	MC dẫn chương trình	Buổi	4.000.000	
3	Biên dịch			
	Tiếng Anh, Pháp, Trung, Nga	01 phút	300.000	
	Lồng tiếng	01 phút	300.000	Không bao gồm chi phí Kỹ thuật viên
	Phụ đề	01 phút	300.000	Không bao gồm chi phí Kỹ thuật viên
II	Thực hiện Sản xuất			
1	MV Ca nhạc	5 Phút	20.000.000	Không bao gồm chi phí phát sóng
2	MV Ca nhạc	10 Phút	35.000.000	
3	MV Ca nhạc	15 Phút	45.000.000	
4	MV Ca nhạc	20 Phút	50.000.000	
5	TVC quảng cáo	15 Giây	30.000.000	

6	TVC quảng cáo	30 Giây	45.000.000	
7	TVC quảng cáo	45 Giây	50.000.000	
III	Thực hiện Sản xuất và Phát sóng			
1	Phóng sự từ 02 đến dưới 05 phút	01 phút	4.000.000	Bao gồm chi phí phát sóng 1 lần.
2	Phóng sự từ 05 đến dưới 10	01 phút	3.500.000	
3	Phóng sự từ 10 đến dưới 15 phút	01 phút	3.000.000	
4	Phóng sự từ 15 phút trở lên	01 phút	2.500.000	
5	Phim Tài liệu từ 15 phút trở lên	01 phút	6.000.000	
6	Tự giới thiệu (tối thiểu 03 phút)	01 phút	7.000.000	Không bao gồm chi phí phát sóng.
7	Toạ đàm Truyền hình từ 20 đến dưới 30 phút	01 phút	2.500.000	Bao gồm chi phí phát sóng 1 lần. Chưa bao gồm phóng sự minh hoạ
8	Toạ đàm Truyền hình từ 30 phút trở lên	01 phút	2.000.000	
9	Toạ đàm Phát thanh từ 20 phút đến dưới 30 phút	01 phút	1.000.000	
10	Toạ đàm Phát thanh từ 30 phút trở lên	01 phút	800.000	
IV	Phát sóng hoặc Sản xuất			
1	Phát lại, biên tập lại bằng 50% chi phí mục IV	Riêng Điểm 5 Mục IV: Chi phí phát sóng tính bằng 70% chi phí tại khung chương trình phát sóng		
2	Phát sóng không sản xuất: chi phí bằng 70% chi phí phần IV			
3	Sản xuất không phát sóng: chi phí bằng 80% chi phí phần IV			
V	Dịch vụ khác			

1	Truyền hình trực tiếp (Tối đa 120 phút) - Từ 05h00-19h00: 90 triệu đồng - Từ 19h00-24h00: 120 triệu đồng Giá trên chưa bao gồm chi phí đường truyền (Chi phí này được tính theo đơn giá thực tế của đơn vị cung cấp đường truyền)
2	Tiếp sóng trực tiếp (Tối đa 120 phút) - Từ 05h00-19h00: 45 triệu đồng - Từ 19h00-24h00: 60 triệu đồng Giá trên chưa bao gồm chi phí đường truyền (Chi phí này được tính theo đơn giá thực tế của đơn vị cung cấp đường truyền)
3	Thu hình phát lại (Tối đa 120 phút): Tính bằng 70% chi phí truyền hình trực tiếp Nếu có cả Phát thanh trực tiếp, cộng thêm 15% chi phí truyền hình trực tiếp

B. ÁP DỤNG ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ NHÀ NƯỚC

STT	DỊCH VỤ SẢN XUẤT	ĐVT	ĐƠN GIÁ (VNĐ)	GHI CHÚ
I	Dịch vụ Sản xuất			
1	Thu âm (bao gồm phòng thu):			
	Nội địa	01 phút	280.000	
	Nước ngoài, liên doanh	01 phút	400.000	
2	Thuê MC			
	MC dẫn chương trình	Buổi	3.200.000	
3	Biên dịch			
	Tiếng Anh, Pháp, Trung, Nga, Raglai	01 phút	240.000	
	Lồng tiếng	01 phút	240.000	Không bao gồm chi phí

				KTV
	Phụ đề	01 phút	240.000	Không bao gồm chi phí KTV
II	Thực hiện Sản xuất			
1	MV Ca nhạc	5 Phút	16.000.000	Không bao gồm chi phí phát sóng
2	MV Ca nhạc	10 phút	28.000.000	
3	MV Ca nhạc	15 phút	36.000.000	
4	MV Ca nhạc	20 phút	40.000.000	
5	TVC tuyên truyền	15 Giây	12.000.000	
6	TVC tuyên truyền	30 Giây	16.000.000	
7	TVC tuyên truyền	45 Giây	20.000.000	
8	TVC tuyên truyền	1 Phút	24.000.000	
III	Thực hiện Phát sóng			
1	TVC tuyên truyền	15 Giây	1.200.000	Khung giờ từ 04h30 đến trước 17h
			1.600.000	Khung giờ từ 17h đến 24h
2	TVC tuyên truyền	30 Giây	1.600.000	Khung giờ từ 04h30 đến trước 17h
			2.000.000	Khung giờ từ 17h đến 24h
3	TVC tuyên truyền	45 Giây	2.000.000	Khung giờ từ 04h30 đến trước 17h
			2.400.000	Khung giờ từ 17h đến 24h

4	TVC tuyên truyền	1 Phút	2.400.000	Khung giờ từ 04h30 đến trước 17h
			2.800.000	Khung giờ từ 17h đến 24h
IV	Thực hiện Sản xuất và Phát sóng			
1	Phóng sự ngắn từ 02 đến dưới 05 phút	01 phút	3.200.000	Bao gồm chi phí phát sóng 1 lần.
	Phóng sự ngắn từ 05 đến dưới 10	01 phút	2.800.000	
2	Phóng sự dài từ 10 đến dưới 15 phút	01 phút	2.400.000	
3	Phóng sự dài từ 15 phút trở lên	01 phút	2.000.000	
4	Phim Tài liệu từ 15 phút trở lên	01 phút	4.800.000	
5	Tự giới thiệu (tối thiểu 03 phút)	01 phút	5.600.000	Không bao gồm chi phí phát sóng.
6	Toạ đàm Truyền hình từ 20 đến dưới 30 phút	01 phút	2.000.000	Bao gồm chi phí phát sóng 1 lần. Chưa bao gồm phóng sự minh họa
7	Toạ đàm Truyền hình từ 30 phút trở lên	01 phút	1.600.000	
8	Toạ đàm Phát thanh từ 20 phút đến dưới 30 phút	01 phút	800.000	
9	Toạ đàm Phát thanh từ 30 phút trở lên	01 phút	640.000	
V	Phát sóng hoặc Sản xuất			
1	Phát lại, biên tập lại bằng 50% chi phí mục IV	Riêng Điểm 5 Mục IV: Chi phí phát sóng tính bằng 70% chi phí tại khung chương trình phát sóng		

2	Phát sóng không sản xuất: chi phí bằng 70% chi phí phần IV	
3	Sản xuất không phát sóng: chi phí bằng 80% chi phí phần IV	
VI	Dịch vụ khác	
1	Truyền hình trực tiếp (Tối đa 120 phút) - Từ 05h00-19h00: 70 triệu đồng - Từ 19h00-24h00: 100 triệu đồng Giá trên chưa bao gồm chi phí đường truyền (Chi phí này được tính theo đơn giá thực tế của đơn vị cung cấp đường truyền)	
2	Tiếp sóng trực tiếp (Tối đa 120 phút) - Từ 05h00-19h00: 40 triệu đồng - Từ 19h00-24h00: 50 triệu đồng Giá trên chưa bao gồm chi phí đường truyền (Chi phí này được tính theo đơn giá thực tế của đơn vị cung cấp đường truyền)	
3	Thu hình phát lại (Tối đa 120 phút): Tính bằng 70% chi phí truyền hình trực tiếp Nếu có cả Phát thanh trực tiếp, cộng thêm 15% chi phí truyền hình trực tiếp	

QUI ĐỊNH CHUNG

1. Giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.
2. Giá thực hiện các dịch vụ trên là giá thực hiện trên địa bàn tỉnh. Giá này chưa bao gồm các chi phí khác như: chi phí vận chuyển và chi phí ăn, ở cho kíp làm nếu làm việc thông tầm hoặc nơi xa... ; chi phí thuê mướn các phương tiện vận chuyển đặc biệt (tàu cao tốc, canô, thuyền ...); thuê, mua tư liệu; xử lý hình ảnh kỹ thuật cao (3D, 4D); thiết bị lưu trữ đặc biệt..... Giá thiết bị lưu trữ tùy theo giá thị trường và chủng loại do khách hàng chọn.
3. Để khuyến khích Quý khách hàng, Chúng tôi có các mức hỗ trợ, khuyến mãi được quy đổi thành các sản phẩm tặng thêm:

Mức	Tổng giá trị Hợp đồng	Tỷ lệ khuyến mãi (%) quy đổi thành sản phẩm
1	Từ 50 triệu đồng đến < 70 triệu đồng	22
2	Từ 70 triệu đồng đến < 100 triệu đồng	24
3	Từ 100 triệu đồng đến < 150 triệu đồng	26
4	Từ 150 triệu đồng đến < 200 triệu đồng	28
5	Từ 200 triệu đồng đến < 250 triệu đồng	30
6	Từ 250 triệu đồng trở lên	32

4. Tùy vào tình hình thực tế từng thời điểm, Đài sẽ thay đổi mức giá phù hợp. Các trường hợp được hỗ trợ, được miễn, giảm hoặc các dịch vụ khác phát sinh ngoài bảng giá này, sẽ do Giám đốc Đài quyết định.

Bảng giá này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025. Các bảng giá trước đây khác với bảng giá này đều không còn giá trị thực hiện./.

Mọi chi tiết, vui lòng liên hệ:

1. Phòng Dịch vụ và Quảng cáo

Đường A1, Khu Đô thị An Bình Tân, phường Phước Long, tp. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

Điện thoại: 02583.522.323; 02583.522.127; Fax: 02583.522.035

Email: dichvuquangcaoktv@gmail.com

2. Trang Thông tin điện tử: www.ktv.org.vn

GIÁM ĐỐC



Thái Thị Lệ Hằng